

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2025/DS - ST**

Ngày: 25/6/2025

V/v *“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thanh Trí.

2/ Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Trung Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **81/2025/TLST-DS** ngày 12 tháng 3 năm 2025. Về *“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Mang Cá, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: số 122, Phan Châu Trinh, khu phố Ngọc Hà, phường Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có đơn ngày 04/4/2025 xin giải quyết vắng mặt (BL 10). SĐT 0703 039 791.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: I, khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. SĐT 0939 935 538; 0932 959 113 (Vắng mặt)

Người liên quan: Ông **Lương Minh Thông**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Thạnh Phú, xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. SĐT 0935 385 545

Đại diện ủy quyền của ông Thông: bà Trần Thị Thanh Tâm (Giấy ủy quyền ngày 19/11/2024). Có đơn ngày 04/4/2025 xin giải quyết vắng mặt (BL 10).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024 và các bản tự khai **nguyên đơn Trần Thị Thanh T** trình bày:

Do quen biết nhau, nên từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022, bà Trần Thị Thanh T và chồng Lương Minh T2 có cho ông Nguyễn Văn T1 vay mượn số tiền 200.000.000 đồng (hình thức đưa tiền mặt và chuyển khoản 03 lần thông qua Ngân hàng TMCP T4 và Ngân hàng TMCP N); cam kết 12 tháng sau tính từ ngày 01/10/2022 đến 01/10/2023 sẽ hoàn trả lại, việc giao tiền bằng hình thức chuyển khoản 03 lần và có đưa tiền mặt một lần. Cụ thể như sau:

- Ngày 28/4/2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng.
- Ngày 21/6/2022 chuyển khoản 40.000.000 đồng.
- Ngày 22/6/2022 chuyển khoản 10.068.300 đồng. (số tiền 68.300 đồng là phí chuyển M trừ nên số tiền ông T1 nhận được là 10.000.000 đồng)

- Ngày không nhớ rõ đã đưa tiền mặt 100.000.000 đồng nhưng không có lập biên nhận thông qua ông Trần Văn T3, SN 1964 (là cha ruột nguyên đơn).

Sau đó, hai bên có ký lại Hợp đồng cho mượn tiền số HĐ 01 ngày 18/9/2023 để chốt lại số tiền đã cho vay và thời hạn thanh toán. Thời gian đầu, ông T1 có trả 4.000.000 đồng tiền lãi. Trả được 02 tháng là 8.000.000 đồng. Sau này khi nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng thì bị đơn trả lãi thêm được 10.000.000 đồng, tổng cộng tiền lãi đã nhận 18.000.000 đồng. Từ đó tới nay không trả thêm được lãi cũng như gốc. Đến thời hạn thanh toán nguyên đơn có nhắc đòi nợ nhưng bị đơn hứa hẹn rồi né tránh không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay là **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng); không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ này.

Người liên quan Lương Minh T2 cũng trình bày và đồng quan điểm với nguyên đơn. Ông T2 xác định việc cho mượn tiền đã thực hiện nhiều lần trước đó vào năm 2022. Đến ngày 18/9/2023 vợ chồng ông mới về gặp bị đơn và trực tiếp ký lại Hợp đồng cho mượn tiền số HĐ 01 ngày 18/9/2023 với bị đơn. Mục đích là để xác định lại tổng số tiền đã cho vay 200.000.000 đồng và thời hạn trả tiền (BL 30).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần ông Nguyễn Văn T1 đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào các ngày 04/4/2025 và 29/4/2025 nhưng ông Nguyễn Văn T1 vẫn vắng mặt mà không có lý do (BL 51, 78). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn và người liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là **200.000.000 đồng** và không yêu cầu lãi suất; bị đơn Nguyễn Văn T1 vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án xác định yêu cầu của nguyên đơn là có đủ cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng cho mượn tiền số HĐ-01 ngày 18/9/2023 bản gốc (BL 7-8) thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thỏa thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần ông Nguyễn Văn T1 đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn Văn T1 vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T1 vào các ngày 13/3/2025 và ngày 11/4/2025 (BL 47-50, 56-59). Theo kết quả xác minh của Công an phường T (BL 36-37) thì bị đơn có ĐKTT tại I, khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ và vẫn đang sinh sống tại địa phương, chứng minh bị đơn đã cố tình không hợp tác với Tòa án để giải quyết tranh chấp. Do đó, theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về số nợ gốc, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn luôn vắng mặt, song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là trên cơ sở màn hình chụp “giao dịch thành công” do nguyên đơn cung cấp (BL 67), tòa án đã thu thập chứng cứ và được Ngân hàng S xác định Số tài khoản 070054341685 là của ông Nguyễn Văn T1 đã nhận 02 lần 90.000.000 đồng từ Số tài khoản của Lương Minh

T2 (BL 71-73); Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh P - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũng xác nhận ngày 22/6/2022 bà Trần Thị Thanh T có chuyển khoản 10.068.300 đồng (trong đó có 68.300 đồng là phí chuyển tiền) thông qua Công ty CP D (MOMO) phù hợp với giao dịch thành công chuyển 10.000.000 đồng cho số tài khoản 070054341685 của ông Nguyễn Văn T1 (BL 64, 67).

Đối với 100.000.000 đồng tiền mặt nguyên đơn trình bày đã đưa cho bị đơn thông qua ông Trần Văn T3, SN 1964 (là cha ruột nguyên đơn). Ông Trần Văn T3 cũng đã xác định ngày 22/9/2022 có tự tay đưa cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng tại Tờ tự khai ngày 07/4/2025 (BL 32). Đây chưa được xem là chứng cứ khách quan mà nguyên đơn cần phải chứng minh thêm. Nhưng xét tính logic và trình tự thời gian nhận tiền trước đó, căn cứ Hợp đồng cho mượn tiền số HĐ-01 ngày 18/9/2023 bản gốc (BL 7-8) do phía nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và có chữ ký xác nhận của bị đơn. Thì đủ cơ sở kết luận ông Nguyễn Văn T1 có vay và nợ nguyên đơn số tiền như trên. Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Nên yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và bị đơn Nguyễn Văn T1 phải chịu toàn bộ án phí là 5% x 200.000.000 đồng = 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, Điều 91, Điều 93, 147, 207, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .
- Điều 463, 466, 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của bà **Trần Thị Thanh T**. Buộc ông **Nguyễn Văn T1** có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền vay **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng) khi án có hiệu lực.

Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn **Nguyễn Văn T1** phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Nguyên đơn **Trần Thị Thanh T** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **5.000.000 đồng** (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004144 ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung